

**ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU
NAM 1982 Ở HẬU GIANG**

Nguyễn Thu Bình

Đại KTTV Hậu giang

Hồ sơ lịch thời vụ của sở Nông nghiệp Hậu giang thì vụ hè thu bắt đầu từ giữa tháng IV và kết thúc thu hoạch vào cuối tháng VIII. Như vậy, thời gian sinh trưởng của cây lúa hầu như nằm trong điều kiện thời tiết mùa mưa của Nam bộ, thời kỳ mà diễn biến về nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng rất thích hợp cho sự sinh trưởng và phát dục của cây lúa. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng thủy văn đến năng suất của lúa hè thu chính là lượng mưa, sự phân bố của mưa và thủy triều.

Vụ hè thu năm 1982 Hậu giang đạt được năng suất lúa cao nhất kể từ ngày miền Nam giải phóng đến nay (xem bảng 1) :

Bảng 1. Năng suất bình quân lúa hè thu của các huyện trong tỉnh từ năm 1976 đến năm 1982 (đơn vị tính tạ/ha).

Điểm	Năm	1976	1977	1978	1979	1980	1981	1982
NTQĐ		-	18,40	-	16,25	19,08	20,00	20,00
Gần thơ		25,00	25,60	27,20	27,30	26,65	33,70	34,30
Sóc trăng		19,00	18,50	15,74	18,90	18,00	20,00	32,50
Thốt nốt		22,50	24,30	9,84	18,04	20,56	32,16	40,00
Ô môn		23,00	25,40	12,63	25,94	24,00	27,52	34,00
Châu thành		21,50	21,60	21,87	24,31	24,40	29,35	30,00
Phụng hiệp		18,50	17,30	19,16	17,93	25,60	30,24	32,00
Long Mỹ		19,00	16,80	19,66	13,89	21,42	25,59	28,00
Kế sách		21,00	19,60	20,79	25,00	28,11	33,42	40,00
Mỹ tử		21,00	20,70	23,75	22,77	20,28	30,00	32,00
Long phú		23,00	27,80	24,70	26,35	28,00	30,00	40,00
Thanh tri		21,00	18,40	22,10	21,00	22,00	24,58	35,00
Mỹ xuyên		22,00	24,00	21,00	22,00	22,00	26,00	30,00
Vĩnh châu		20,52	20,30	22,36	-	-	-	-
Toàn tỉnh		21,12	21,76	18,57	21,71	23,98	29,75	34,67

Năng suất lúa bình quân trong toàn tỉnh đạt 34,67 tạ/ha, tăng 15,6% so với kế hoạch, năng suất tính riêng các huyện đạt từ 27 tạ/ha (Vị thành) đến 40 tạ/ha (Thốt nốt, Long phú, Kế sách). Có được vụ hè thu năng suất như vậy là nguyên nhân tổng

hợp nhiều yếu tố : trước hết là sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc sử dụng giống mới, cung cấp vật tư tương đối đầy đủ và một nguyên nhân quan trọng là điều kiện thời tiết. Ở đây chỉ phân tích các yếu tố khí tượng thủy văn chủ yếu, trong đó đóng vai trò quan trọng là lượng mưa và sự phân bố của nó. Tuy lịch thời vụ như đã nêu ở trên, nhưng thực tế thời gian gieo cấy vụ hè thu năm 1982 của Hậu Giang kéo dài và kết thúc muộn vì nhân dân còn quen dùng âm lịch, năm 1982 lại là năm nhuận. Vì vậy, vụ hè thu năm nay rải rác bắt đầu gieo sạ từ cuối tháng III (Phụng hiệp, Kế sách), các nơi khác từ giữa tháng IV đến đầu tháng V và kết thúc vào cuối tháng VI. Lúa cấy sớm cho thu hoạch vào đầu tháng VII, đến giữa tháng VII thu hoạch rõ. Thời gian thu hoạch kéo dài đến giữa tháng X mới kết thúc. Trên cơ sở những số liệu của Chi cục thống kê, cử Sở Nông nghiệp, Trạm Bảo vệ thực vật, các Trạm Khí tượng, thủy văn, các Trạm đo mưa trong tỉnh, sau đây xin nêu một số ý kiến đánh giá về điều kiện khí tượng nông nghiệp vụ hè thu 1982 ở Hậu Giang.

I - Đặc điểm chung

Các yếu tố khí tượng hàng tháng như : nhiệt độ không khí trung bình, tổng lượng bốc hơi thấp hơn trung bình nhiều năm (TBN). Tổng lượng mưa tháng từ đầu đến giữa mùa thấp hơn, các tháng tiếp theo đến cuối vụ cao hơn TBN. Đầu mùa mưa ít, sau đó mưa tương đối điều hòa, không có đợt hạn nào gây hại đáng kể cho lúa và hoa màu khác trong toàn tỉnh.

II - Ánh sáng và nhiệt độ

Đây là hai yếu tố chi phối toàn bộ thời gian sinh trưởng của cây lúa. Tích nhiệt từ tháng IV đến tháng X : $5760 - 5779^{\circ}\text{C}$, thấp hơn TBN cùng thời kỳ từ $61-74^{\circ}\text{C}$. Tổng số giờ nắng 1274 - 1287 giờ. Những điều kiện đó đảm bảo để cây trồng ngắn ngày hoàn thành vòng đời sinh trưởng và phát dục đúng với thời vụ (xem bảng 2 và 3).

Bảng 2. Tổng nhiệt độ tháng tại Cần Thơ và Sóc Trăng ($^{\circ}\text{C}$).

Tháng	Tháng IV		Tháng V		Tháng VI		Tháng VII	
Địa điểm	Σt	Δt	Σt	Δt	Σt	Δt	Σt	Δt
Cần Thơ	841,0	-21,0	864,0	+3,1	805,0	-9,0	809,0	-21,7
Sóc Trăng	840,0	-9,0	862,0	-3,1	810,0	-9,0	825,0	-16,5

Tháng	Tháng VIII		Tháng IX		Tháng XI		Tháng XII	
Địa điểm	Σt	Δt	Σt	Δt	Σt	Δt	Σt	Δt
Cần Thơ	812,0	-16,5	797,0	-6,0	832,0	-3,1	5760,5	-74,2
Sóc Trăng	815,0	-21,7	810,0	-3,0	828,0	0,0	5779,4	-61,3

Bảng 3. Tổng số giờ nắng tháng tại Cần thơ và Sóc trăng (giờ).

Tháng \ Địa điểm	Tháng IV		Tháng V		Tháng VI		Tháng VII	
	Σs	Δ	Σs	Δ	Σs	Δ	Σs	Δ
Cần thơ	251,5	-8,5	203,6	-5,6	128,5	-24,5	128,2	-54,8
Sóc trăng	254,2	-3,8	201,0	+24,0	125,0	-22,0	137,7	-26,3

Tháng \ Địa điểm	Tháng VIII		Tháng IX		Tháng X		IV - X	
	Σs	Δ	Σs	Δ	Σs	Δ	Σs	Δ
Cần thơ	179,2	+5,2	171,4	+12,4	227,9	+63,9	1286,8	-8,2
Sóc trăng	184,7	+26,7	170,2	+29,2	200,7	+45,7	1273,5	+73,5

Ghi chú : Σt : Tổng nhiệt độ tháng
 Σs : Tổng số giờ nắng trong tháng
 Δ : Biến sai : + cao hơn TBNN. - thấp hơn TBNN.

III - Chế độ ẩm

Hàm lượng ẩm trong đất cũng như trong không khí được quyết định chủ yếu bởi chế độ mưa. Mùa mưa năm 1982 bắt đầu từ thượng tuần tháng V, lượng mưa tháng đầu mùa ở nhiều nơi ít hơn TBNN và phân bố không đồng đều. Tháng IV là tháng chuyển tiếp mùa mưa và là tháng gieo sạ lúa hè thu, cũng ở trong tình trạng mưa ít và không đều. Trong các tháng này, nhiệt độ không khí, tổng số giờ nắng và lượng bốc hơi đều thấp dưới TBNN, ẩm độ không khí đạt xấp xỉ trên TBNN nên các diện tích lúa mới gieo sạ không bị hại nặng do khô hạn. Nhìn chung trong các tháng tiếp theo của mùa mưa lượng mưa phân bố tương đối đồng đều, lượng mưa tháng đo được ở một số nơi cao hơn TBNN từ 130 - 430mm, nhưng đợt mưa ít vẫn xảy ra nhưng về thời gian không quá dài (trên dưới 5 ngày một ít). Vì vậy không có hiện tượng thiếu nước nghiêm trọng, lượng ẩm trong đất được đảm bảo (xem bảng 4, 5, 6).

Bảng 4. Độ ẩm không khí trung bình tại Cần thơ và Sóc trăng.

Tháng \ Địa điểm	IV		V		VI		VII		VIII		IX		X	
	$\bar{f}$	Δ	$\bar{f}$	Δ	$\bar{f}$	Δ	$\bar{f}$	Δ	$\bar{f}$	Δ	$\bar{f}$	Δ	$\bar{f}$	Δ
Cần thơ	79	+3	85	+2	88	+3	90	+6	89	+4	89	+3	87	+3
Sóc trăng	79	+1	86	+2	88	+2	88	+1	87	0	88	0	88	-1

Ghi chú : $\bar{f}$: độ ẩm không khí trung bình tháng (đơn vị tính %).

Bảng 5. Lượng mưa tháng ở một số địa điểm trong tỉnh Hậu Giang (mm).

Tháng	Tháng IV	Tháng V	Tháng VI	Tháng VII	Tháng VIII	Tháng IX	Tháng X							
Địa điểm	ΣR	Δ	ΣR	Δ	ΣR	Δ	ΣR	Δ						
Thốt nốt	92,0		101,0		68,5		159,6		177,5		116,5		205,3	
Ô môn	14,3		204,3		217,5		84,5		257,6		281,8		254,0	
Cần thơ	41,2	-7,8	154,1	-15,9	148,3	-47,7	361,5	+136	318,5	+108	279,0	+7,0	316,6	+36,6
Phụng hiệp	15,3	-14,7	145,2	-42,8	169,3	+37,3	305,9	+120	1223,7	-55,3	258,1	-40,9	172,5	-123
Vị thanh	69,5	-0,3	132,7	-47,3	200,8	+6,8	352,1	+142	552,1	+269	170,2	-93,8	230,6	-69,4
Kế sách	0,0		119,8		259,9		383,1		570,6		688,3		363,2	
Đại ngãi	0,0	-1,6	349,2	+74,2	406,7	+220	346,0	+192	389,4	+122	197,9	-76,1	287,5	+10,5
Long phú	31,1		202,9		374,4		169,4		179,1		173,7		349,7	
Long mỹ	-		140,3		230,2		311,2		386,1		161,4		101,0	
Mỹ tú	4,7		146,3		242,0		365,1		211,6		262,1		191,8	
Sóc trăng	9,2	-55,8	212,5	-11,5	427,5	+177	204,1	-43,9	274,1	+12,1	334,8	+66,8	284,7	-5,3
Ngọc tộ	24,1		287,1		273,0		211,4		158,6		327,6		114,9	
Thạch trãi	16,4		110,1		357,0		510,8		317,9		233,3		166,0	
Vĩnh châu	2,1		82,8		198,2		262,2		238,2		245,7		277,8	

Ghi chú : ΣR - Tổng lượng mưa tháng tính bằng mm.

Bảng 6. Tổng lượng bốc hơi tháng tại Cần Thơ và Sóc Trăng (mm).

Tháng	Tháng IV	Tháng V	Tháng VI	Tháng VII	Tháng VIII	Tháng IX	Tháng X	IV-X								
Địa điểm	Σe	Δ	Σe	Δ	Σe	Δ	Σe	Δ	Σe	Δ						
Cần thơ	110,5	-33,5	65,0	-37,0	54,3	-29,0	47,4	-33,6	58,7	-22,3	50,8	-19,2	46,6	-27,4	433,3	-204,6
Sóc trăng	136,9	-3,1	76,3	-19,8	67,7	-16,3	72,3	-18,6	81,6	-5,2	65,5	-6,5	54,5	-4,4	454,8	-176,9

Ghi chú : Σe - Tổng lượng bốc hơi tháng.

IV - Lũ và chế độ triều

Cả vụ không có đợt lũ lớn nào kéo dài làm ngập úng, gây thiệt hại cho lúa và hoa màu. Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong tỉnh dao động ở mức xấp xỉ hoặc trên dưới trung bình nhiều năm từ 1 đến 4cm. Từ tháng IV đến tháng VII, mực nước hoàn toàn chịu ảnh hưởng của thủy triều, từ tháng VIII đến tháng X - chịu ảnh hưởng của thủy triều kết hợp với lũ thượng nguồn. Mực nước cao nhất trong mùa (2,00m) xảy ra vào tháng X, xấp xỉ với trung bình nhiều năm và phù hợp với qui luật.

V - Những hiện tượng thời tiết đặc biệt

Suốt vụ hầu như không có hiện tượng thời tiết đặc biệt nào ảnh hưởng trầm trọng đến sinh trưởng và phát dục của cây trồng. Theo số liệu quan trắc được ở Cầu thơ và Sóc trăng trong tháng IV và tháng V, số ngày có nhiệt độ cao trên 35,0°C ít hơn so với trung bình nhiều năm từ 2-3 lần, xảy ra vào những ngày 25, 26, 30 tháng V và ngày 1, 5 tháng VI. Đây cũng là thời kỳ mưa ít trong vụ nên ít nhiều có ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng của lúa nhất là những trà lúa mới cấy. Tuy vậy, độ ẩm không khí trung bình khá cao, nhất là về ban đêm nên sự phát triển bình thường của cây lúa vẫn được đảm bảo.

Theo số liệu đo đạc được tại các điểm đo mưa trong toàn tỉnh thì những ngày mưa lớn (lượng từ 50 - 100mm) xảy ra ít hơn so với trung bình nhiều năm. Trong tháng V và tháng VI, mỗi tháng chỉ có 3 ngày mưa trên 50mm, tháng VII - 7 ngày, tháng VIII - 9 ngày và tháng IX có 8 ngày. Lượng mưa sau 24 giờ đạt trên 100 mm được coi là ngày mưa rất lớn. Cả mùa mưa năm 1982 ở Hậu Giang chỉ có 4 nơi có 1 ngày mưa trên 100mm (từ 135 - 179mm) xảy ra tại Mỹ tú, Long Mỹ, Vị thành và Đại Ngãi.

Thời kỳ cuối tháng VII, ở một số nơi trong tỉnh mưa ít (chủ yếu là vùng Ô môn, Thốt nốt) gây tình trạng thiếu nước làm cho lúa bị đổ (250 ha). Trung tuần tháng VII có một số ngày gió mạnh tới cấp 7-8 làm ảnh hưởng đến lúa đang trổ ở một số nơi.

Nhìn chung những hiện tượng thời tiết đặc biệt trên có ảnh hưởng phần nào đến sự phát triển của cây lúa, nhưng cơ bản có những điều kiện thuận lợi nên năng suất trên toàn bộ diện tích đạt cao.

Kết luận

Qua phân tích và đánh giá về điều kiện khí tượng thủy văn nông nghiệp có thể đi đến kết luận như sau :

1. Mùa mưa bắt đầu và diễn biến phù hợp với qui luật trung bình nhiều năm tạo điều kiện cho việc thực hiện đúng lịch thời vụ.

2. Mưa ở phần lớn các nơi tuy cao hơn trung bình nhiều năm nhưng phân bố tương đối đồng đều trong toàn vụ nên không có thời gian thừa hoặc thiếu nước nghiêm trọng. Mực nước sông dao động ở mức trung bình nhiều năm, số ngày có mưa lớn và rất lớn xảy ra ít và không tập trung nên không gây tình trạng ngập úng.

3. Điều kiện nhiệt độ và ánh sáng : Tích nhiệt và tổng giờ nắng phù hợp với từng thời kỳ phát triển làm cho cây trồng ngắn ngày hoàn thành vòng đời sinh trưởng và phát dục đúng thời vụ ./.